

Bản án số: 103/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 8 - 2026

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi
con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hiệp và bà Lương Thị Nhâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 257/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2026, về “*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lại Thị Thùy L, sinh ngày 21/9/2000; số Căn cước công dân: 035300000206; nơi ĐKKHKT: Xóm B (nay là tổ dân phố số A) phường P, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay: P, tòa nhà Miyanogidai Heights C, số A, khu M, quận H, thành phố C, tỉnh Chiba, Nhật Bản (262-0015 Chiba-shi Hanmigawa - ku Miyanogi - dai 1-4-1 Miyanogi - daihaisu 102).

Người đại diện theo uỷ quyền của chị L để giao, nhận tài liệu, văn bản tố tụng: Anh Trần Văn L1, sinh năm 2001; địa chỉ: Số A T, phường N, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Lại Văn C1, sinh ngày 01/10/1993; số Căn cước công dân: 035093009874; địa chỉ: Xóm B (nay là tổ dân phố số A) phường P, tỉnh Ninh Bình.

(Phiên toà vắng mặt chị L, anh C1, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai, nguyên đơn chị Lại Thùy L trình bày:

Chị và anh Lại Văn C1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 24/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng chị thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống, không thể tìm được tiếng

nói chung, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng hết sức trầm trọng không thể thay đổi được. Chị đã sang Nhật Bản làm việc từ năm 2024 đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau và chấm dứt quan hệ tình cảm từ đó, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lại Văn C1.

* Tại bản tự khai đề ngày 17/7/2026, bị đơn anh Lại Văn C1 trình bày:

Anh và chị Lại Thùy L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 24/9/2019, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh chung sống tại gia đình anh, quá trình chung sống vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách sống. Đến năm 2024, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên chị L đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, thời gian vợ chồng sống xa nhau thì mâu thuẫn càng rõ rệt và căng thẳng hơn, vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 4/2024 đến nay, mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị L xin ly hôn, anh cũng hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Chị L và anh C1 xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lại Gia H, sinh ngày 30/7/2020 và cháu Lại Tâm A, sinh ngày 21/7/2022, hiện cả hai cháu đều đang ở với anh C1. Khi ly hôn anh chị thống nhất giao cháu H và cháu A cho anh C1 nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị L và anh C1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Lại Thùy L và anh Lại Văn C1 vắng mặt, đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lại Thùy L.

Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lại Thùy L và anh Lại Văn C1.

Về con chung: Giao cháu Lại Gia H, sinh ngày 30/7/2020 và cháu Lại Tâm A, sinh ngày 21/7/2022 cho anh Lại Văn C1 nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, tự lập được. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lại Thùy L phải nộp 150.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Lại Văn C1 cư trú tại tổ A, phường P, tỉnh Ninh Bình; hiện tại chị Lại Thùy L đang lao động tại Nhật Bản. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung” giữa chị Lại Thùy L và anh Lại Văn C1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về nội dung: Chị Lại Thùy L và anh Lại Văn C1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/9/2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Ninh Bình), đã thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lại Thùy L, HĐXX thấy rằng:

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau. Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên chị L đã đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ năm 2024, trong thời gian sống xa nhau thì mâu thuẫn vợ chồng càng rõ rệt và căng thẳng, vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2024 đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau cũng không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng. Nay cả chị L và anh C1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Xét mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lại Thùy L và anh Lại Văn C1.

[4] Về con chung: Chị L và anh C1 xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Lại Gia H, sinh ngày 30/7/2020 và cháu Lại Tâm A, sinh ngày 21/7/2022. Khi ly hôn anh chị thống nhất giao cả hai cháu cho anh C1 nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX thấy rằng, hiện tại cả hai cháu đều đang ở với anh C1, được anh C1 chăm sóc tốt, bản thân chị L đang đi lao động tại Nhật Bản nên không có điều kiện để chăm sóc các cháu; do vậy để ổn định cuộc sống của các cháu, cần giao cháu H và cháu A cho anh C1 nuôi dưỡng theo sự tự nguyện thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị L và anh C1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L nộp toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lại Thùy L và anh Lại Văn C1.

2/ Về con chung: Giao cho anh Lại Văn C1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lại Gia H, sinh ngày 30/7/2020 và cháu Lại Tâm A, sinh ngày 21/7/2022 kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu H và cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Lại Thùy L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh C1.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lại Thùy L và anh Lại Văn C1, mỗi người phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự tự nguyện của chị L nộp toàn bộ án phí là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đổi trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị L đã nộp tạm ứng án phí (do anh Trần Văn L1 nộp thay) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002259 ngày 25/6/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, chị L được nhận lại số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đương sự có mặt tại Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi

hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Phú Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Kim Ngân